TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ ANH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 48/2018/QĐST-HNGĐ	*Kỳ Anh, ngày 28 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2018/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H1

Sinh ngày: 24 – 5 – 1993; Địa chỉ: Xóm B, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L1

Sinh ngày: 02 – 6 – 1990; Địa chỉ: Xóm B, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng A

Địa chỉ: Khối phố H, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh

2. Qũy tín dụng nhân dân liên xã S

Địa chỉ: Xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Ngân hàng B

Địa chỉ: Khối phố H, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Chị Nguyễn Thị H2

Sinh ngày: 26 – 6 – 1976; Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Chị Phạm Thị L2

Sinh ngày: 20 – 01 – 1968; Địa chỉ: Xóm 2, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

6. Ông Hồ Thế C

Sinh ngày: 18 – 11 – 1949; Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn L1

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung

Họ và tên: Nguyễn Nhật P – Sinh ngày: 10 – 4 – 2011;

Họ và tên: Nguyễn Hải Đ – Sinh ngày: 17 – 7 – 2013;

Họ và tên: Nguyễn Thị Nhã T – Sinh ngày: 24 – 9 – 2015.

Giao hai con chung Nguyễn Nhật P và Nguyễn Hải Đ cho anh Nguyễn Văn L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày quyết định ly hôn của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của Toà án.

Giao con chung Nguyễn Thị Nhã T cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ ngày quyết định ly hôn của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của Toà án.

Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn L1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn L1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Về tài sản chung: Cả chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Văn L1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ:

Giao cho anh Nguyễn Văn L1 có nghĩa vụ trả các khoản nợ sau đây:

+ Trả cho Ngân hàng A 100.000.00đ (Một trăm triệu đồng) tiền nợ gốc và 83.333đ (Tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) tiền nợ lãi, cùng tiền lãi phát sinh thêm sau ngày 18 – 5 – 2018 (ngày hòa giải) trên số tiền dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất là 10%/năm và được điều chỉnh tương ứng theo quy định của A theo từng thời kỳ.

+ Trả cho quỹ tín dụng nhân dân liên xã S 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 180.000đ (Một trăm tám mươi nghìn đồng) tiền nợ lãi, cùng tiền lãi phát sinh thêm sau ngày 18 – 5 – 2018 (ngày hòa giải) trên số tiền dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất trong hạn là

1%/tháng và được điều chỉnh phù hợp với cơ chế điều hành lãi suất của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Trả cho chị Nguyễn Thị H2 21.100.000đ (Hai mốt triệu một trăm nghìn đồng) tiền nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh thêm sau ngày 18 – 5 – 2018 (ngày hòa giải) theo lãi suất 1%/tháng trên số tiền dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Giao cho chị Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả các khoản nợ sau đây:

+ Trả cho ngân hàng B 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 281.096đ (Hai trăm tám mươi mốt nghìn không trăm chín mươi sáu đồng) tiền nợ lãi, cùng tiền lãi phát sinh thêm sau ngày 18 – 5 – 2018 (ngày hòa giải) trên số tiền dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, lãi suất trong hạn là 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn.

+ Trả cho bà Phạm Thị L2 69.800.000đ (Sáu mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) tiền nợ gốc. Các bên thỏa thuận không phải trả tiền lãi.

+ Trả cho ông Hồ Thế C 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền nợ gốc và 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền nợ lãi và sẽ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh thêm sau ngày 18 – 5 – 2018 (ngày hòa giải) theo lãi suất 1,5%/tháng trên số tiền dư nợ gốc cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Về án phí: Căn cứ các Khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, các Khoản 6, 7 Điều 26, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo:

Chị Nguyễn Thị H1 thỏa thuận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, và 2.646.000đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng tiền án phí chị Nguyễn thị H1 phải nộp là 2.796.000đ (Hai triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng) nhưng đ□ợc khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005221 ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Nguyễn Thị H1 còn phải nộp 2.496.000đ (Hai triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn L1 thỏa thuận nộp 3.535. 000đ (Ba triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Thế C được hoàn trả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005230 ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn (Chị H1);
- Bị đơn (Anh L1);
- Người có ql và nv liên quan (Như trên);
- VKS huyện Kỳ Anh;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Văn thư.

THẨM PHÁN

Hoàng Ngọc Tùng